

Bản án số: **35/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-02-2026

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Nhung, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số A, đường F, thôn B, phường T, tỉnh Đắk Lắk – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Nhà số A, đường số A, thôn A, Phường T, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị Bích P và ông Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 03/10/2006.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn thì bà P và ông T chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà P và ông T có 02 con chung là cháu Ngô Văn P1, sinh ngày 28/08/2006 và cháu Ngô Phúc V, sinh ngày 21/05/2014.

Cháu Ngô Văn P1, sinh ngày 28/8/2006 đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Ngô Phúc V, sinh ngày 21/5/2014 hiện đang ở với bà P nên bà P có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Phúc V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô Văn T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 203, 220, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà P được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giao cháu Ngô Phúc V, sinh ngày 21/05/2014 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông T được thăm nom con chung mà không bị ai cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà P có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T và giải quyết nuôi con, đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”; Ông T cư trú tại nhà số A, đường số A, thôn A, phường T, tỉnh Đắk Lắk; Theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông T nhưng ông T không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa bà P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà P và ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 03/10/2006.

Trong thời gian chung sống bà P và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà P và ông T không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông T.

HĐXX xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian bà P và ông T chung sống với nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, hiện nay đã sống ly thân, đã thể hiện mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà P.

[2.2] Về con chung: Bà P và ông T có 02 con chung là cháu Ngô Văn P1, sinh ngày 28/8/2006 và cháu Ngô Phúc V, sinh ngày 21/5/2014.

Cháu Ngô Văn P1, sinh ngày 28/8/2006 đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Ngô Phúc V, sinh ngày 21/5/2014 hiện đang do bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc và bà P có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, chăm sóc cháu V, hơn nữa cháu V cũng có nguyện vọng được ở với bà P. Do đó, để đảm bảo cho lợi ích phát triển ổn định của con chưa thành niên, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao cháu V cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể

quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông T không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích P được ly hôn với ông Ngô Văn T.

Về con chung: Cháu Ngô Văn P1, sinh ngày 28/8/2006 đã trưởng thành nên bà Nguyễn Thị Bích P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Ngô Phúc V, sinh ngày 21/05/2014 cho bà Nguyễn Thị Bích P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Ngô Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Bích P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp (do ông Võ Đình D nộp thay) tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001178 ngày 30 tháng 09 năm 2025.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- P.THADS Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- UBND phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My